

Bản án số: 37/2024/HNGĐ-ST

Ngày 07 - 10 - 2024

V/v “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Ông Đỗ Xuân Lập - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 10 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 45/2024/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 7 năm 2024, về tranh chấp “Kiện xin ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 26/2024/QĐST-HNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu H, sinh năm 1981; nơi ĐKKHKT: Số 3, đường P, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam; chỗ ở: Số 10/23/7, đường T, phường 15, quận T, thành phố Hồ Chí Minh.

2/ Bị đơn: Anh Nguyễn Hồng H, sinh năm 1980; địa chỉ: Số 3, đường P, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam.

(Phiên tòa chị H vắng mặt có lý do; anh H vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ, nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H trình bày:

Chị và anh Nguyễn Hồng H kết hôn hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2003 tại UBND xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai. Việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng về quan điểm sống, cách sống; mặt khác, anh Hải ham chơi cờ bạc dẫn đến nợ nần không trả được, chị đã khuyên bảo

hiều lần nhưng anh H không nghe, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2012 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau và chấm dứt mọi quan hệ tình cảm. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin ly hôn với anh Nguyễn Hồng H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là các cháu Nguyễn Hồng V (con gái), sinh ngày 21/12/2004, Nguyễn Hải A (con gái), sinh ngày 13/11/2008 và Nguyễn Hải Đ (con trai), sinh ngày 28/12/2010. Hiện cả 03 cháu đang ở với chị tại thành phố Hồ Chí Minh. Riêng đối với cháu V đã trưởng thành đủ 18 tuổi nên chị không yêu cầu giải quyết; còn cháu Hải A và cháu Hải Đ chị xin được tiếp tục nuôi dưỡng các cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về con nuôi, con riêng: Không có, chị không yêu cầu giải quyết. Hiện chị không có thái ghen gì.

Về tài sản chung và công nợ chung: Không có, chị không yêu cầu giải quyết.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Nguyễn Hồng H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, các giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cùng các văn bản tố tụng khác nhiều lần, nhưng anh H không chấp hành, không có mặt tại Tòa án để làm việc. Vì vậy, không có quan điểm của anh Hải.

* Tại các bản tự khai ngày 08/7/2024, các cháu Nguyễn Hải A và cháu Nguyễn Hải Đ đều có nguyện vọng xin được ở với chị H.

* Tại biên bản làm việc ngày 27/8/2024, ông Nguyễn Văn N và bà Nguyễn Thị T là bố mẹ đẻ của anh Nguyễn Hồng H trình bày: Anh H và chị H có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2003 tại UBND xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai; gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho anh chị theo phong tục của địa phương. Sau kết hôn, vợ chồng anh chị làm ăn sinh sống tại tỉnh Đồng Nai, đến năm 2005 thì vợ chồng anh chị chuyển về sinh sống cùng ông bà tại số nhà 3, đường P, tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Trong thời gian vợ chồng anh chị sống cùng nhau thì ông bà không thấy anh chị có mâu thuẫn gì. Theo ông bà thì nguyên nhân chủ yếu dẫn đến anh chị mâu thuẫn là do bất đồng về quan điểm sống; bên cạnh đó, anh chị đều là giáo viên thu nhập thấp lại nuôi 3 cháu ăn học nên kinh tế vợ chồng anh chị gặp nhiều khó khăn, anh H đã xin nghỉ làm giáo viên mà đi làm tự do nên kinh tế gia đình càng khó khăn hơn. Đến tháng 8/2023, chị H đã đưa cả 03 con chung của anh chị vào thành phố Hồ Chí Minh sinh sống, làm ăn cho đến nay, khi đi chị H không xin phép và thông báo gì cho gia đình ông bà, còn anh H thì vẫn ở cùng ông bà. Nay chị H xin ly hôn anh H, ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Vợ chồng anh chị có 03 con chung như chị H khai, hiện nay cả 03 cháu đang ở với chị H tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo ông bà được biết, hiện nay chị H là giáo viên và làm thêm ngoài nên thu nhập đủ điều kiện nuôi con tốt hơn, còn anh H là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định nên điều kiện nuôi con khó khăn hơn. Vì vậy ông bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của chị H.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn chị Phạm Thị Thu H vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn anh Nguyễn Hồng H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

- Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, những người tham gia tố tụng; ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Thẩm phán đã thụ lý, giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; xác định đúng tư cách người tham gia tố tụng; xác minh thu thập chứng cứ đúng quy định đúng quy định; tổ chức phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải đúng quy định; ra quyết định đưa vụ án ra xét xử đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

+ Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng đều vắng mặt không lý do, không chấp hành và thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

+ Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Sau khi trình bày và phân tích các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, xem xét ý kiến, nguyện vọng và đánh giá tình trạng hôn nhân của các bên đương sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu Hiền.

Về hôn nhân: Xử ly hôn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Hồng H.

Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc 02 con chung là cháu Nguyễn Hải A (con gái), sinh ngày 13/11/2008 và cháu Nguyễn Hải Đ (con trai), sinh ngày 28/12/2010, cho tới khi cháu Hải A và cháu Hải Đ trưởng thành đủ 18 tuổi; anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H.

Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Nguyễn Hồng H có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại tổ 7, phường T, thành phố P, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án “Tranh chấp kiện ly hôn, nuôi con chung” giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Hồng H thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà

Nam.

[2] Về việc xét xử vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn vắng mặt có lý do và đã có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng đều vắng mặt không lý do. Vì vậy việc xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Hồng H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào ngày 09/5/2003 tại Ủy ban nhân dân xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai đã thỏa mãn với điều kiện, thủ tục kết hôn được Luật hôn nhân và gia đình bảo vệ.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Thị Thu H, Hội đồng xét xử thấy rằng: Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng anh chị bất đồng về quan điểm sống, bên cạnh đó anh H còn chơi bời cờ bạc, nợ nần nhiều, kinh tế gia đình khó khăn, vợ chồng thường xuyên xảy ra va chạm, mâu thuẫn. Anh chị đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2012 đến nay, mỗi người một nơi, không quan tâm đến nhau cũng không quan tâm đến cuộc sống chung của vợ chồng. Nay chị H xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn anh H để ổn định cuộc sống. Xét thấy, cuộc hôn nhân của vợ chồng anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; do vậy, cần xử ly hôn giữa chị H và anh H là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 03 con chung là các cháu Nguyễn Hồng V (con gái), sinh ngày 21/12/2004; Nguyễn Hải A (con gái), sinh ngày 13/11/2008 và Nguyễn Hải Đ (con trai), sinh ngày 28/12/2010. Đối với cháu V đã trưởng thành và trên 18 tuổi nên việc cháu ở với ai là quyền của cháu, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết; đối với cháu Hải A và cháu Hải Đ, khi ly hôn chị H xin được tiếp tục nuôi các cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị.

Hội đồng xét xử thấy: Kể từ khi vợ chồng anh chị ly thân nhau đến nay thì các con chung đều do chị H nuôi dưỡng, chăm sóc; chị H có công việc, thu nhập ổn định, có điều kiện nuôi dưỡng các cháu; anh H là lao động tự do, công việc và thu nhập không ổn định; bên cạnh đó nguyện vọng của cháu Hải A và cháu Hải Đ đều xin được ở với chị H. Do đó, để ổn định cuộc sống của các cháu, cần giao cháu Hải A và cháu Hải Đ cho chị H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, anh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về con nuôi, con riêng: Không có, chị H không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Hiện chị H không có thai nghén gì.

[5] Về tài sản chung và công nợ chung: Chị H xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải nộp theo quy định của pháp luật.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, khoản 4 Điều 147, các Điều 227, 228, 238, 271, 273, 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Xử lý hôn giữa chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Hồng H.

2/ Về con chung: Giao cho chị Phạm Thị Thu H được quyền trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung của vợ chồng là cháu Nguyễn Hải A (con gái), sinh ngày 13/11/2008 và cháu Nguyễn Hải Đ (con trai), sinh ngày 28/12/2010, cho đến khi các cháu Hải A và Hải Đ trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh Nguyễn Hồng H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Phạm Thị Thu H.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3/ Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu H phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển số tiền 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) mà chị H đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000429 ngày 01/7/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam thành án phí chị H phải nộp. Chị H đã nộp đủ tiền án phí.

4/ Về quyền kháng cáo bản án: Chị Phạm Thị Thu H và anh Nguyễn Hồng H vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- UBND xã Nam Cát Tiên, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Kim Ngân